TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 168/2024/QĐST-VHNGĐ	*Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: **Bà Nguyễn Bích Hạnh.**

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Trang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên họp:

Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 115/2024/TLST-VHNGĐ ngày 03/05/2024, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn". Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình số 112/QĐST-VHNGĐ ngày 03/06/2024 gồm:

*** Những người yêu cầu sau đây:**

- Chị P T H G, sinh năm 1983.

Hộ chiếu số: C******* do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 30/06/2017. Nơi đăng ký thường trú: 25 hẻm 670/38/14 H H T, thị trấn Y V, huyện G L, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện tại: 108A C V rd, NSW 2166, Australia. (*Chị G vắng mặt tại phiên họp và có đơn xin vắng mặt).*

- Anh L T T, sinh năm 1980.

Hộ chiếu số: C******** do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 19/07/2017; Nơi đăng ký thường trú: Thôn T V, xã T V, huyện M L, thành phố Hà Nội. Nơi ở hiện tại: 108A C V rd, NSW 2166, Australia. *(Anh T có mặt tại phiên họp).*

Chị P T H G ủy quyền cho anh L V Đ (sinh năm 1997; Địa chỉ: 72 H S, phường N Đ, quận C G, thành phố Hà Nội) giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. (*Anh Đ có mặt tại phiên họp).*

Ông **P Đ V**, sinh năm 1956, Căn cước công dân số: ********** do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày14/5/2021.

Bà **N T P**, sinh năm 1961, Căn cước công dân số: ********** do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/3/2023.

Ông V và bà P cùng có nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú tại: Số 25 hẻm 670/38/14 H H T, thị trấn Y V, huyện G L, thành phố Hà Nội. Ông V và bà P là bố mẹ đẻ của chị P T H G. *(Ông V và bà P có mặt tại phiên họp).*

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH:

Theo Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và bản tự khai của chị P T H G và anh L T T cùng trình bày:

- ***Về tình cảm*:** Chị P T H G và anh L T T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y V, huyện G L, thành phố Hà Nội vào ngày 03 tháng 10 năm 2011. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu. Sau đó trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh chị tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 12 năm 2017, chị P T H G sang Australia (Úc) để làm việc. Kể từ đó, do khoảng cách địa lý xa nhau khiến cho cả hai không còn quan tâm và chia sẻ với nhau. Nay anh chị nhận thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Anh T và chị G cùng thống nhất, thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo nơi cư trú của anh chị giải quyết thủ tục ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị G có 01 con chung là cháu L P N L (giới tính: Nam) sinh ngày 19/06/2013. Ly hôn, anh T và chị G thống nhất thỏa thuận chị G là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Tuy nhiên do hiện nay, cháu L đang sống cùng ông bà ngoại là bà N T P, sinh năm 1961 và ông P Đ V, sinh năm 1956 (Địa chỉ: Số 25 hẻm 670/38/14 Hà Huy Tập, thị trấn Y V, huyện G L, thành phố Hà Nội). Vì vậy, trong thời gian chị G làm việc ở Úc, chị đề nghị Tòa án tạm giao cháu L P N L cho ông bà ngoại cháu (bà N T P và ông P Đ V) là bố mẹ đẻ của chị G thay chị G nuôi dưỡng chăm sóc đến khi chị G về nước. Khi chị G về nước, bà N T P và ông P Đ V sẽ giao lại cháu L P N L cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T và chị G tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về tài sản chung, nhà ở chung****:* Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về công nợ chung: Anh chị không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về lệ phí giải quyết ly hôn***: Anh L T T tự nguyện chịu toàn bộ.

Do điều kiện không thể về Việt Nam giải quyết được, chị P T H G đã có Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho anh L V Đ giao nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai và các văn bản tài liệu của chị G đều được chứng thực tại Tổng lãnh sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Sydney, Australia ngày 16/04/2024.

Tại phiên họp:

Chị P T H G có đơn xin vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của chị G giao nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội là anh L V Đ có mặt.

Anh L T T giữ nguyên ý kiến và quan điểm đã trình bày. Đến nay anh thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn giữa anh và chị Giang. Về con chung, anh và chị G có 01 con chung là cháu L P N L (giới tính: Nam) sinh ngày 19/06/2013. Ly hôn, anh chị thỏa thuận, chị G trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Trong thời gian chị G chưa về nước đề nghị Tòa án giao cháu L cho ông bà ngoại cháu là bà N T P và ông P Đ V nuôi dưỡng vì cháu đang ở cùng với ông bà. Anh chị tự thỏa thuận về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nhà ở: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ chung: Anh chị không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông P Đ V và bà N T P có ý kiến như sau: Cháu L P N L được ông bà chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian mẹ cháu là chị G đi nước ngoài làm việc. Để tránh xáo trộn trong sinh hoạt của cháu L nên ông V và bà P đồng ý tạm trực tiếp nuôi dưỡng cháu L đến khi mẹ đẻ của cháu là chị P T H G về nước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng giải quyết việc dân sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân của anh T và chị G là hợp pháp. Đến nay cuộc sống hôn nhân của anh chị đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị G. Về con chung: Anh T và chị G có 01 con chung là cháu L P N L, sinh ngày 19/06/2013. Ly hôn đề nghị giao cháu L cho chị G nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng nuôi con các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Anh T và chị G không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về lệ phí: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Tchịu toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình

được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh L T T và chị P T H G có Đơn đề nghị công nhận thuận tình ly hôn. Chị P T H G hiện đang sinh sống và làm việc tại Australia (Úc) nên theo quy định tại Điều 29 và Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Về sự vắng mặt của chị P T H G tại phiên họp: Chị P T H G vắng mặt nhưng đã có ý kiến và đơn trình bày xin giải quyết vắng mặt đồng thời chị G đã có văn bản ủy quyền cho anh L V Đ nhận văn bản tố tụng thay chị. Do vậy, Tòa án mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân Gia đình vắng mặt chị G theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh L T T và chị P T H G do cả hai cùng tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y V, huyện G L, thành phố Hà Nội vào ngày 03 tháng 10 năm 2011. Cuộc sống chung vợ chồng sau hôn nhân đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện cả hai vợ chồng cùng xác định không còn tình cảm với nhau nữa nên cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của vợ chồng anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về con chung: Anh T và chị G xác nhận có 01 con chung là cháu L P N L (giới tính: Nam) sinh ngày 19/06/2013. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: Chị Gđược trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Anh T và chị G đề nghị: Trong thời gian chị G chưa về nước, bà N T P và ông P Đ V (là ông bà ngoại của cháu L) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L P N L. Xét thấy, cháu L P N L hiện đang sống cùng bà P và ông V. Cháu L được nuôi dưỡng, chăm sóc và phát triển bình thường. Anh T và chị G tự thỏa thuận về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Việc thỏa thuận của anh Tvà chị G là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp nên ghi nhận. Anh T có quyền đi lại, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Anh L T T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 29; Điểm b khoản 1 Điều 37; Khoản 2 Điều 67; Điều 143, 146, 149, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

1. **Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh L T T và chị P T H G.**

2. Về con chung: Anh L T T và chị P T H G có 01 con chung là cháu L P N L (giới tính: Nam) sinh ngày 19/06/2013. Ly hôn, ghi nhận sự thỏa thuận của anh L T T và chị P T H G như sau: Giao cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L P N L cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Nhà nước có thẩm quyền thay thế. Trong thời gian chị G chưa về Việt Nam thì bà N T P và ông P Đ V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L P N L. Anh Tvà chị G tự thỏa thuận về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh T và chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về công nợ chung: Anh chị không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Về lệ phí: Ghi nhận sự tự nguyện của anh L T T chịu cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0023276 ngày 02/05/2024 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Anh T đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 18/06/2024.

Nơi nhận:
- *Người yêu cầu;*
- *VKSND TP. Hà Nội;*
- *Ủy ban nhân dân thị trấn Y V, huyện G L, thành phố Hà Nội;*
- *Lưu.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Bích Hạnh